

Tưởng niệm biến cố 30-4-1975, nhìn lại lịch sử:

CHẾ ĐỘ VIỆT NAM CỘNG HÒA ĐÃ BỊ BỨC TỬ NHƯ THẾ NÀO?

Thiện Ý

Để tưởng niệm biến cố 30-4-1975 lần thứ 39, chúng tôi xin gửi lại trích đoạn trong Chương III (Việt Nam đã và đang đi vào thế chiến lược Quốc tế mới như thế nào), Phần III của tập tài liệu nghiên cứu lý luận “VIỆT NAM TRONG THẾ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ MỚI”, ấn hành Tháng 4-1995 và tái bản Tháng 4-2005 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ.

Thật vậy, vì không nắm được ý đồ chiến lược của Mỹ, CS Hà Nội đã hăm hở nhào vào giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến. Trong giai đoạn này, nếu chỉ nhìn qua hiện tượng, người ta thấy như có sự ăn ý giữa Mỹ và CSBV, kẻ tung, người hứng để cùng cưỡng tử chế độ VNCH một cách ngoạn mục.

1.- KHỞI ĐI TỪ SỰ KIỆN PHƯỚC LONG:

Ngày 7-1-1975, bộ đội CSBV đã mở cuộc tiến công và đã chiếm đóng được tỉnh lỵ Phước Long như một thử nghiệm đầu tiên ý chí của Hoa Kỳ, thăm dò xem phản ứng đến mức độ nào. Hoa Kỳ đã lập tức lên tiếng tố cáo mạnh mẽ hành động vi phạm trắng trợn Hiệp Định Paris của CSBV, kèm theo lời đe dọa sẽ trừng phạt nghiêm khắc nếu CS không ngưng ngay những hành động lấn chiếm tương tự.

Sau sự lên án tố cáo có tính chiêu lệ với kẻ thù, Mỹ đã không có hành động nào khác hơn thể hiện ý chí và quyết tâm giúp “bạn” bảo vệ chế độ VNCH. Không những thế, dường như ai đó đã vô tình hay cố ý giúp thực hiện đúng ý định của Hoa Kỳ, **khí khuyến TT Thiệu không nên đánh chiếm lại Phước Long làm gì cho hao binh tổn tướng, mà hãy dùng sự kiện Phước Long như là bằng chứng tố cáo trước công luận thế giới về hành động phá hoại Hiệp Định Paris của CSBV. Bởi vì giải pháp cho Việt Nam bây giờ là giải pháp chính trị chứ không phải quân sự.**

Có lẽ vì nghe theo lời “cố vấn” này, nên TT.Thiệu đã không tìm cách lấy lại Phước Long mà chỉ ra lệnh đẩy mạnh tuyên truyền, tố cáo CSBV vi

phạm Hiệp Định, đẩy mạnh chiến dịch vẽ cờ, lấn đất giành dân, chuẩn bị chiếm ưu thế về lãnh thổ trong một giải pháp chính trị tương lai?

Mặc đầu “đầu tháng Giêng 1975, TT. Thiệu đã ra lệnh tập trung lực lượng không quân gồm 116 oanh tạc cơ, 160 phi cơ trực thăng, đội bom và đánh phá trọn một tuần lễ xuống Phước Long, nhưng vẫn không đẩy lùi nổi 3 sư đoàn chính quy Bắc Việt đang chiếm lấy thị trấn này.... .”
(17)

Trong khi đó, từ sự kiện Phước Long, dư luận lúc đó ở Sài Gòn lan truyền khắp Miền Nam, nói nhiều đến một chính phủ liên hiệp ba thành phần, nói nhiều đến giải pháp trung lập. Dường như trong tâm lý quần chúng cũng như quân đội VNCH lúc ấy đều bị hoang mang giao động, tinh thần chủ hòa đang có chiều hướng lấn ép chủ chiến. **Tình cảnh này đã có ảnh hưởng rất lớn vào tinh thần chiến đấu của binh sĩ quân lực VNCH. Quân dân Miền Nam như cùng hướng lòng về một giải pháp chính trị, với tâm trạng chờ đợi, mất cảnh giác chiến đấu và suy giảm nghiêm trọng ý chí chống cộng.**

Trong khi đó, Mỹ đã không có hành động trừng phạt cương quyết nào với đối phương, mà lại gia tăng áp lực đối với chế độ VNCH, thúc đẩy và nuôi dưỡng tình hình bất ổn, xáo trộn nội bộ, đẩy chế độ vào thế tam, tứ đầu thọ địch.

Áp lực mạnh nhất đánh vào cân não quân đội và nhân dân VNCH là quyết định cắt giảm quan trọng viện trợ kinh tế, quân sự cho VNCH giữa lúc chế độ đang trong điều kiện thử thách sống còn. Như vậy là Mỹ đã không giữ lời cam kết khi **“Việt Nam hóa chiến tranh”** (Tăng cường viện trợ quân sự để trang bị đầy đủ cho QLVNCH đủ sức làm công việc tự bảo vệ. . .), không giữ những lời hứa công khai cũng như riêng tư của TT. Hoa Kỳ Nixon (viện trợ kinh tế, quân sự dồi dào cho VNCH để thành tựu Hiệp Định Paris theo ý muốn của Mỹ.). Hậu quả tất nhiên của đòn cân não này là tinh thần chiến đấu của tướng sĩ QLVNCH và tiềm năng chống cộng của cả chế độ VNCH phải sút giảm nghiêm trọng. Chúng ta hãy nghe sau này ông Thiệu kể lại:

“...vào năm 1975, tiềm lực chiến đấu của chúng tôi giảm 60%, trong khi đó tiềm lực chiến tranh của Hà Nội gia tăng ghê gớm. Tôi có thể nói trong hai năm sau khi ký kết Hiệp Định Paris, chiến tranh đã dữ dội hơn trước. Tuần nào tôi cũng cử phái viên tới Washington để giải thích. Tôi đã gửi thư cho Tổng Thống Mỹ, tôi phân bày nổi nguy hiểm với Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, song không có chuyển biến gì cả...”. (18)

Chuyển biến gì được nữa, khi ý định của Mỹ lúc này là đang muốn trói chặt VNCH về chính trị, kinh tế, quân sự, để chờ cho CSBV đến ban cho một phát súng ân huệ.

Mỹ đã trói chặt VNCH về chính trị trong một giải pháp liên hiệp với CS, với chiêu bài hòa giải, hòa hợp dân tộc để ru ngủ và làm tê liệt ý chí chống cộng của quân dân MNVN. Mỹ đã trói chặt về kinh tế khi cắt giảm tối đa viện trợ về mọi mặt, là cắt nguồn máu nuôi sống chế độ. Mỹ đã chặt tay chặt chân về quân sự, khi không thực hiện trang bị, cung cấp vũ khí đạn dược đủ để cho trụ cột chủ yếu chống cộng đủ sức làm công việc tự bảo vệ. Việc Quốc hội Hoa Kỳ chỉ thông qua một ngân khoản viện trợ hàng trăm triệu (700 triệu) so với nhu cầu thực tế hàng tỉ, trong lúc tình hình chiến sự nguy ngập, thử hỏi QLVNCH còn đâu tinh thần chiến đấu để mà làm công việc tự bảo vệ.

Mặt khác, đúng lúc này, không biết ai xui ai khiến cho TT. Thiệu ra lệnh giải giới các lực lượng bán quân sự như Nhân Dân Tự Vệ và các giáo phái có trang bị vũ khí, gọi là để tập trung lực lượng và sức mạnh chiến đấu của QLVNCH. Điển hình là vụ giải giới lực lượng bán quân sự của Phật Giáo Hòa Hảo khoảng 10.000 người, bắt giam ông Hai Tập, Tổng Chỉ Huy Lực lượng bảo an Hòa Hảo.

“ . . . Cuối tháng Giêng 1975, ông Hai Tập, ông Lương Trọng Tường thành lập một sư đoàn Bảo An Hòa Hảo với mục đích tiếp tục chiến đấu kháng cộng, nếu VNCH sụp đổ. Ông Thiệu lập tức giải tán và bắt giam ông Hai Tập vì sợ lực lượng Hòa Hảo lật đổ ông. . . ” (19).

Việc làm này của ông Thiệu như là hành động tự chặt tay mình về mặt quân sự. Ai đã cố vấn cho ông Thiệu làm việc này, hay do sáng kiến cá nhân, điều này chỉ có ông biết. Người bàng quan chỉ có thể suy đoán, có thể là sáng kiến cá nhân vì mỗi lo sợ riêng, song cũng có thể là sự gợi ý của các “Cố vấn” là người Mỹ, hoặc là người của Việt cộng. **Vì rằng vào thời điểm này, tuy khác ý đồ, nhưng Mỹ và Việt cộng đã gặp nhau ở mục tiêu chung: Triệt tiêu chế độ VNCH.**

Thế nhưng cho đến lúc này dường như người lãnh đạo cao nhất của chế độ VNCH vẫn chưa nắm bắt được ý định thực sự của “ **người bạn đồng minh Hoa Kỳ**”. Vẫn như còn cố tin vào những lời cam kết, hứa hẹn bí mật hay công khai trên giấy trắng mực đen của chính phủ cũng như cá nhân Tổng Thống Hoa Kỳ R. Nixon.

Như vậy là quả thực tập đoàn lãnh đạo chế độ công cụ ngoại bang ở Hà Nội đã tài giỏi hơn nhiều so với chế độ ở Sài Gòn. Tổng Thống Thiệu vẫn ngây thơ tin rằng những hành động đích thân của ngài Đại Sứ Martin bay từ Sài Gòn về Washington như là để bênh vực cho lập trường của mình. Sau khi cộng quân lần chiếm Phước Long, ông Thiệu vẫn tin tưởng và chờ đợi Hoa Kỳ thực hiện những lời hứa và cam kết trong những bức thư trao đổi riêng tư với TT. Nixon. Trong khi đó, các lãnh tụ cáo già CSBV thì tỏ ra hết sức chú tâm và nương theo ý độ của Mỹ để đạt ý đồ của mình.

Sau khi đánh chiếm được Phước Long, cộng quân như tạm ngưng các cuộc tiến công lớn để thăm dò phản ứng của Mỹ. Nhớ lại phản ứng của Mỹ lúc ấy là ngoài những lời lên án, tố cáo, đe dọa “Sẽ trả đũa”, Mỹ chỉ tăng cường các chuyến bay do thám, mà theo nhận xét của ông Thiệu **“Việc ấy chẳng khác gì dùng bồ câu thay thế B-52. . .”**. Đồng thời, TT. Gerald Ford, người kế vị TT. Nixon bị mất chức giữa nhiệm kỳ vì vụ Watergate, cũng cố làm ra vẻ hết lòng xin Quốc Hội Mỹ viện trợ bổ xung 300 triệu Mỹ kim cho VNCH.

Thế nhưng theo lời Đại sứ Martin **“. . . Nam Việt Nam không nhận được viện trợ bổ xung mà còn không nhận được chút viện trợ nào trong năm tài chính sắp tới, bắt đầu từ Tháng 6- 75.. . . Nói khác đi, nội trong 3 tháng nữa ông Thiệu sẽ đứng trước sự kiện bị cúp viện trợ. . .”** (20). Ông Martin kết luận: **“Cố gắng bom thêm sức mạnh cho ai đó bằng những bảo đảm mà chính mình không tin thì sẽ chẳng đi đến đâu hết. . .”** (21)

Đến đây, trước phản ứng yếu ớt của Mỹ với thù (CSBV), sự gia tăng áp lực chính trị, kinh tế của Mỹ với bạn (VNCH), các lãnh tụ CS ở Hà Nội càng tin tưởng chắc chắn Mỹ sẽ không can thiệp trực tiếp trở lại, dù họ có gia tăng áp lực quân sự đến đâu. Họ bắt đầu lên kế hoạch thôn tính MNVN với dự liệu ít nhất 2 năm nữa mới “giải phóng” được MN. Hà nội vẫn thực sự chưa biết ý đồ này của Mỹ: **Không phải chỉ không can thiệp trở lại mà còn muốn khai tử chế độ VNCH càng sớm càng tốt. Nghĩa là Mỹ đã có ý định xóa bàn cờ cũ chơi bàn cờ mới.**

Trong khi đó ông Thiệu và tập đoàn lãnh đạo VNCH thì vẫn nghĩ Mỹ sẽ không bao giờ “dám” bỏ rơi MN, mọi áp lực chẳng qua chỉ để buộc cá nhân ông Thiệu và phe cánh của ông phải từ bỏ quyền hành, trao lại cho ê-kíp khác, nên nội bộ đã rơi vào sự xâu xé tranh giành quyền lợi cá nhân, phe đảng, quên cả mục tiêu sống còn là ngăn chặn CSBV xâm lăng. Một cách vô tình “phe quốc gia” đã như tự đào hố chôn mình. Mặc dầu ai cũng đồng ý với nhận định của ông Thiệu lúc ấy **“Chế độ VNCH còn là còn tất cả, nếu mất vào tay CS là mất tất cả”**.

Thế nhưng tất cả trên thực tế đã có những hành động góp phần làm tiêu vong chế độ. Sau này chính ông Thiệu kể : **“. . . Mỹ để lại 300.000 quân tại Châu Âu sau khi Thế Chiến II đã chấm dứt 30 năm; để lại 50.000 quân ở Nam Hàn sau khi chấm dứt 20 năm. Lúc chúng tôi để Mỹ rút quân, chúng tôi chỉ yêu cầu được giúp đỡ để tiếp tục chiến đấu, không còn phải duy trì nửa triệu quân ở Việt Nam, Mỹ chỉ phải chi tiêu 1 phần 20 so với trước kia. Vậy họ còn đòi hỏi gì hơn ở chúng tôi?. . .”** (22).

Nhận định này của ông Thiệu chứng tỏ quan điểm lãnh đạo lỗi thời do không nhìn thấy đã có sự đổi thay chiến lược của Mỹ. Theo đó, Mỹ không

phải chỉ muốn cá nhân ông Thiệu mà muốn cả cái chế độ mà ông cầm quyền bấy lâu nay phải biến đi càng nhanh càng tốt. Bởi vì đã qua rồi những cơ hội tốt để tồn tại vững vàng như Nam Hàn, để không bị hủy diệt vào những lúc có nhu cầu phải thay đổi chiến lược như thế này.

2.- ĐẾN SỰ KIẾN BANMÊTHỘT THẤT THỦ – THỬ THÁCH CUỐI CÙNG CHO TRỤ CỘT CUỐI CÙNG CỦA CHẾ ĐỘ.

Đến đây các bước người ta chuẩn bị cho một chế độ sụp đổ như đã hoàn bị. Tình hình nội bộ chế độ VNCH hoàn toàn rối ren, tê liệt. Quân lực VNCH, cây trụ cột cuối cùng chống đỡ cho sự tồn tại thêm thời gian của chế độ thì ra sao?

Theo tài liệu đọc được thì sau Hiệp Định Paris năm 1973 về VN, Quân lực VNCH thực sự chỉ còn sáu đến bảy trăm ngàn quân chiến đấu. Về trang bị đạn dược và các phương tiện chiến tranh hiện còn có thể giúp QLVNCH tiếp tục chiến đấu ít nhất 2 năm. Tương quan lực lượng giữa quân lực VNCH và bộ đội CSBV theo tỉ lệ 4-1. Đến tháng 1 – 1975 tỉ lệ này chỉ còn 2-1. Bởi vì sau 2 năm ngưng ném bom, một phân đường mòn HCM đã được CSBV sửa chữa và đặt ống dẫn dầu dọc theo đường mòn này. Trong một thời gian ngắn, 150.000 quân CSBV đã xâm nhập thêm vào chiến trường MNVN. Sau khi chiếm được Phước Long, Hà Nội đã có thể chuẩn bị cho một lực lượng 300.000 quân bám sát đường mòn HCM tiến vào MN. Tất cả những hoạt động này, người Mỹ biết rất rõ, song đã không có hành động gì. Vì sao?

Chúng ta hãy nghe một chuyên viên phân tích tình báo Mỹ kể lại: *“Khởi đầu cuộc tấn công cuối cùng của CS. . . lúc đó chúng tôi đã biết rằng CSBV đưa vào MNVN một lực lượng to lớn hơn nhiều so với lực lượng chúng tôi biết đang có ở đây. Họ đã tập chung số quân này Phía Tây Cao Nguyên. Bây giờ Banmethuot xét về mặt lịch sử, luôn luôn là điểm tựa phòng thủ của chính quyền trên cao nguyên. Banmethuot mất thì sự phòng thủ có thể bị đánh ngang sườn. CSBV rất khôn ngoan, họ chuyển quân mà không xử dụng liên lạc vô tuyến điện. Họ đưa vào vùng Banmethuot ba sư đoàn mà chúng tôi không hề hay biết. . .”* (23).

Có thực là người Mỹ không hay biết hay là họ biết mà đã cố tình không cho chính quyền VNCH biết, lại còn tìm cách đánh lạc hướng dùm cho đối phương?

Vì chẳng lẽ tình báo Hoa Kỳ chỉ dựa trên sự theo dõi liên lạc vô tuyến của VC để nắm bắt tình hình? Vậy thì chỉ có thể do bị che mắt của “Bạn” và thể nghi binh của “Thù”, mà các nhà quân sự VNCH đã đoán sai ý đồ của VC. Đoán sai nên đã cho rằng Cộng quân có thể lập lại cuộc tấn công Mùa

Hè Đỏ Lửa năm 1972, vượt qua khu phi quân sự. Vì vậy họ đã tập trung quân ở phía Bắc Đà Nẵng để đối phó?

Trong khi đó, Banmêthuột vốn là một vị trí chiến lược trọng yếu thì quân đội Sài Gòn đã không chuẩn bị phòng thủ tương xứng, chỉ triển khai 40.000 quân ở đó. Họ đâu ngờ rằng lúc ấy, 300.000 quân CSBV đã ần nấp bao vây, chờ giờ hành động. Để đánh lạc hướng, bộ đội CSBV đã cho truyền đi các bức điện giả làm như mục tiêu tiến công của họ là Pleiku, nơi đặt bản doanh của Quân Đoàn II quân lực VNCH. Quân cộng sản đã thành công trong ý đồ này, vì các nhà quân sự VNCH bao lâu nay quen dựa vào chiến lược, chiến thuật đánh CS do người Mỹ hoạch định sẵn, nên đã có thói quen ỷ lại, lười “động não” để sáng tạo nên đã dễ dàng bị đánh lừa của cả bạn lẫn thù.

Sự thể là đúng 2 giờ sáng ngày 10-3-1975, bộ đội CSBV đã mở cuộc tấn công Banmêthuột. Vì quá bất ngờ, không kịp tăng viện và không có quân yểm trợ nên sau 30 giờ bị vây hãm, phản công yếu ớt, Banmêthuột đã thất thủ. Rồi cũng như Phước Long, Banmêthuột thất thủ, Mỹ vẫn không có hành động gì để trừng phạt, ngăn chặn bước xâm lăng của CSBV. Dư luận thắc mắc, phải chăng ai đó lại “Cố vấn” cho TT. Thiệu với cùng luận điệu rằng không nên đánh chiếm lại Banmêthuột làm gì cho hao binh tổn tướng, lại vẫn nên dùng sự kiện BMT để đẩy mạnh tuyên truyền tố cáo CSBV trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris trước thế giới. Rằng lý do không cần đánh chiếm lại đất đai còn là vì giải pháp cho vấn đề Việt Nam bây giờ là giải pháp chính trị chứ không phải quân sự. Vậy thì chỉ nên “co cụm lại” để tập trung lực lượng bảo vệ các thành phố chiến lược quan trọng, để chờ giải pháp chính trị. . .

Sau này tài liệu cho biết, một trong những cố vấn đã ảnh hưởng đến quyết định “rút lui chiến thuật” của TT. Thiệu là Vũ Ngọc Nha, tình báo chiến lược của CSBV, như đã trích dẫn ở phần trên. **Nhưng tựu chung, có lẽ vì nghe theo mọi lời khuyên xem ra có vẻ hợp lý, mà ngày 15-3-1975, tức bốn ngày sau Banmêthuột thất thủ, TT. Thiệu đã vội triệu tập các Tướng lãnh cao cấp trong một phiên họp ở căn cứ Cam Ranh, để đi đến quyết định vô tiền khoáng hậu trong quân sử QLVNCH cũng như quân sử thế giới: Rằng cao nguyên và miền Trung phải bị bỏ rơi!** Nghĩa là ông Thiệu đã quyết định bỏ luôn Quân Đoàn I và Quân Đoàn II. Quyết định này đã gây bàng hoàng, cháng váng cho nhiều người, vì như thế là chỉ qua một đêm, ông Thiệu đã nhượng cho đối phương một nửa lãnh thổ VNCH!

“Ông Thiệu đã bay ra Cam Ranh họp các Tướng Tư Lệnh chiến trường. Không cần kế hoạch, không cần chiến thuật đối phó với tình thế, với tư cách Tổng Tư Lệnh tối cao Quân lực VNCH, ông Thiệu nói: Tôi ra lệnh Tướng Phú di tản, bỏ Quân Đoàn II. Ông xoay qua hỏi ý kiến ông

Khiêm, ông Viên. Hai ông này là những vị chỉ huy lên Tướng nhờ biết “gật đầu” đúng lúc, đã trả lời: Tổng Thống giải quyết như vậy thật phù hợp tình hình, chúng tôi tán thành ý kiến và thi hành lệnh Tổng Thống. Tướng Phú giao Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Tất (mới vừa được vinh thăng Chuẩn Tướng) lãnh nhiệm vụ điều khiển cuộc di tản. Thế là mạnh Tướng tướng chạy, mạnh quân quân ngã gục trên đường tháo lui, mạnh dân dân kinh hoàng năm chết dưới làn mưa pháo chận đường của CS. Pleiku bỏ, Kontum bỏ. Binh đoàn hỗn quân hỗn quan, rối loạn trật tự. Bộ đội CS cắt đoàn quân di tản ra làm ba mảnh, quan quân bỏ chạy tán loạn và sau cùng là tan hàng rã ngũ. . .”(24)

Sau này ông Thiệu đã biện minh rằng:

“ Chúng tôi phải rút quân về bảo vệ các vùng quan trọng, vì chúng tôi đánh giá là Mỹ sẽ không giúp nữa. Nếu họ giúp thì đã giúp rồi. Chúng tôi không thể chờ đợi đến khi quá chậm. Phải chấp nhận nỗi hiểm nghèo có tính toán. Biết rằng rút lui mà không có khả năng cơ động và hỏa lực mạnh thì sẽ nguy hiểm. Nhưng chúng tôi vẫn phải làm” (25)

Tại sao ông Thiệu dám chọn giải pháp này dù biết rằng nguy hiểm như vậy? Vì ông ta muốn tạo áp lực để phút chót thấy tình hình nguy ngập Mỹ có thể can thiệp chăng? Vì một lời khuyên trực tiếp hay chỉ là sự gợi ý gián tiếp song có hiệu quả của Mỹ? Có thể cả hai. Vì ngài Đại sứ Martin quả đã có sự gợi ý này: *“Chỉ còn một con đường khôn ngoan duy nhất là cắt bớt các tuyến quân sự và chỉ giữ lại một phần đất mạnh về kinh tế là vùng châu thổ phía Nam”(26).*

Như vậy là sự gợi ý của ngài Đại sứ Mỹ cuối cùng ở Sài Gòn cộng với lời khuyên của các “cố vấn” đã được ông Thiệu cảm nhận và thực hiện như một sáng kiến táo bạo. Có điều kết quả thu lượm được thuộc về phía Hoa Kỳ và Việt Cộng, còn hậu quả được dành cho nhân dân Miền Nam yêu chuộng tự do, những người đã nằm xuống trong cuộc chiến và những kẻ sống sót sau cuộc chiến!

Thực vậy, giải pháp trên đã được thực hiện bằng một cuộc **“di tản chiến thuật”** mà thực tế đã biến thành một cuộc **“tháo chạy tán loạn”** vô tiền khoáng hậu trong lịch sử các cuộc chiến tranh cục bộ. Các chiến lược gia đã phải gọi đó là **“Một cuộc rút lui được vạch ra tối nhất và thi hành tệ hại nhất trong lịch sử quân sự”**. Một cuộc di tản chiến thuật gọi là co cụm lại để bảo toàn lực lượng và để đủ sức bảo vệ các vùng chiến thuật trọng yếu, rốt cuộc đã chẳng bảo vệ được gì khác hơn là góp phần làm cho quá trình sụp đổ của một chế độ nhanh chóng hơn.

Vì cuộc rút quân tàn tệ này nó đã phá hủy mau chóng quân phong quân kỷ và tinh thần chiến đấu của quân sĩ Quân Lực VNCH. Một quân đội mà trước đó đã bị hoang mang giao động bởi những đòn cân

não của cả bạn lẫn thù. Hậu quả tất nhiên là quân sĩ sẽ không còn muốn chiến đấu mà chỉ muốn tháo chạy sao cho an toàn bản thân và gia đình, để có cơ may tồn tại trong một giải pháp chính trị tương lai đã được định đoạt. Hầu như binh lính VNCH đều có tâm trạng không muốn là người phải hy sinh vào giờ thứ hai mươi lăm của cuộc chiến.

3.- THẢM CẢNH CUỐI CÙNG KẾT THÚC MỘT QUÁ TRÌNH, MỘT CUỘC CHIẾN

Thảm cảnh bắt đầu từ vụ Buônmêthuột thất thủ, tiếp đến là quyết định của TT Thiệu bỏ ngỏ Cao nguyên cho cộng quân, di tản chiến thuật. Thế là quân dân các vùng di tản bị rơi vào tình cảnh tán loạn. Nhiều quân nhân bỏ ngũ chạy về lo cho gia đình di tản. Những người dân thường cũng rời bỏ cửa nhà, ruộng vườn, tài sản tháo chạy về phía tự do như dòng thác đổ. Người ta ghi nhận có đến nửa triệu quân dân Cao nguyên di tản về Nha Trang, một tỉnh ven biển Miền Trung của Việt Nam Cộng Hòa, phòng tuyến cuối cùng của Quân Điện II, Quân Khu II. . .Mà *“Sau quyết định của Ông Thiệu, Quân Đoàn II tan vỡ nhanh như một giấc chiêm bao, mới đầu hôm sớm mai mà Quân Đoàn đã bị tiêu hủy trong nháy mắt. Hành lang phía Tây Sài Gòn bị đe dọa trầm trọng. . .”*

Trong khi đó ở Huế, quân dân rút về Đà Nẵng, rồi tranh nhau tìm đường ra biển . Một số khác theo đường bộ tháo chạy về phía Nam như một **“Đại lộ kinh hoàng”**. Vì trên đại lộ ấy, nhiều cảnh đau lòng đã diễn ra. Người ta đã phải chứng kiến cảnh tranh sống sát hại nhau, nạn thổ phỉ cướp bóc, hãm hiếp công khai giữa thanh thiên bạch nhật. Mọi giá trị nhân bản, đạo đức bị chà đạp; tình huynh đệ chi binh, nghĩa đồng bào trở thành xa lạ trong cuộc **“rút lui chiến thuật”** đầy hỗn loạn này.. Thảm cảnh này cũng diễn ra tương tự ở nhiều tuyến **“Rút lui chiến thuật”** khác trên các nẻo đường đất nước. Mọi người tháo chạy về phía tự do, vì lúc ấy có lời đồn đãi rằng **“Đã có thương lượng cho CSBV một nửa lãnh thổ VNCH mà không chống cự. . .”**

Quả thực đến đầu Tháng 4 năm 1975, một nửa lãnh thổ VNCH đã bỏ ngỏ cho Cộng quân đến tiếp quản. Tốc độ rút quân quá nhanh đến độ đối phương không kịp tiếp thu, không đủ người và thực ra cũng không cần đủ người để giữ đất. Trong vòng vài tuần, 150.000 binh sĩ VNCH đã tự hủy và mất khả năng chiến đấu. Thế quân binh chiến lược hoàn toàn bị đảo ngược. Chế độ VNCH ở Miền Nam Việt Nam lâm nguy!

Mặc dầu thực tế diễn ra đúng với ý muốn của Hoa Kỳ, nhưng TT. Gerald Ford lúc đó vẫn làm ra vẻ quan tâm đến việc cứu vớt số phận đã được an bài của VNCH. Ông Ford đã đề nghị ngân khoản viện trợ quân sự bổ xung 700 triệu Mỹ kim trang bị và lập cầu không vận khẩn cấp chuyển đồ tiếp tế cho Quân Lực VNCH. Hành động này của TT. Ford chẳng khác chi hành động của một nhà đạo đức giả, một bác sĩ vô lương tâm, biết rằng con bệnh sắp chết và cái chết ấy có một phần trách nhiệm do mình gây ra, nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra hết lòng muốn cứu sống con bệnh. Dầu sao, đó cũng chỉ là những lời tuyên bố để che đậy một ý đồ cũng chẳng thay đổi được thực tế.

Thực tế lúc đó là, Ông Bùi Diễm, Đại sứ VNCH tại Mỹ, đã từ Washington trở về tuyên bố một cách tuyệt vọng, rằng ***“Không còn hy vọng gì về phía Mỹ nữa, chúng ta phải tính đến các điều kiện thực tế. . .”***. Thực tế là một nửa nước đã mất, người ta chỉ còn trông chờ vào một cứu tinh. Nhưng nào còn ai dám làm cứu tinh, khi người Mỹ đã bỏ cuộc. Vậy chỉ còn trông chờ một phép lạ, mà phép lạ thì siêu hình khó xảy ra. Vậy chỉ còn cách chấp nhận thực tế mà tờ New York Time số ra ngày 1-4-1975 đã phản ánh tổng quát ***“Quân Bắc Việt đã tràn lên khắp đất nước và chỉ gặp vài kháng cự lẻ tẻ, lãnh thổ bị chiếm là do bỏ cuộc thực sự. . .”***.

Theo sự đánh giá của một nhân viên cao cấp CIA có mặt vào những giờ phút hấp hối của chế độ VNCH thì ***“Lúc này, để bảo vệ Sài Gòn quân Nam Việt đang toi tả, chỉ còn tương đương sáu sư đoàn, đương đầu với 18 sư đoàn quân Bắc Việt, một đa số áp đảo. Điều mà Nam Việt Nam hy vọng thực hiện là lập một phòng tuyến án ngữ cuối cùng chận từ một phần đất Cao nguyên xuống tới bờ biển Miền Trung, xuyên ngang thị trấn Xuân Lộc. . .”***(28).

Thế nhưng tình hình thực tế ngày càng nguy kịch. Trong lúc lâm nguy người ta lại nói nhiều đến giải pháp được Mỹ khuyến khích từ lâu, là thương lượng với CS để thành lập một chính phủ liên hiệp ba thành phần. Đây cũng là giải pháp tương tự từng được qui định trong Hiệp Định Genève 1954, nhưng đã không được các bên thực hiện. Đó cũng là giải pháp bị bác bỏ năm 1965 vì đường lối chiến tranh đã được lựa chọn. Nay một lần nữa giải pháp được chọn lựa trong Hiệp Định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình cho Việt Nam năm 1973.

Thực ra, đây là một giải pháp chỉ có giá trị pháp lý trên văn bản có tính nguyên tắc, thực tế thâm tâm người Mỹ cũng không muốn nó được thực hiện, vì họ không còn muốn dính líu thêm nữa mà chỉ muốn

cắt bỏ chế độ VNCH càng sớm càng tốt. Vì rằng, để cho chế độ này tồn tại dưới bất cứ hình thức nào đều làm cản trở tiến trình đi vào thể chiến lược quốc tế mới của Mỹ. Điều này cũng phù hợp với tham vọng của CSBV, không muốn thương lượng trong điều kiện hiện tại quá thuận lợi cho họ, mà chỉ cần Ông Thiệu bị lật đổ bằng chính người của Ông ta. Họ muốn chế độ VNCH sụp đổ trước khi họ đến tiếp quản mà không phải tàn phá giết chóc nhiều. Họ muốn một sự sụp đổ từ từ để còn cho họ nguyên vẹn những chiến lợi phẩm, đúng ra là mọi tài sản của chế độ bị sụp đổ không do sức mạnh chiến đấu của họ.

Đúng như lòng mong muốn của CS Hà nội, Ông Thiệu đã phải từ chức trước áp lực quân chúng và các phe phái tranh dành quyền lực dưới sự đạo diễn của CIA; bằng một bài diễn văn gay gắt Ông Thiệu đã tố cáo sự phản bội của Mỹ, được truyền đi trên các phương tiện truyền thông đại chúng, phương tiện mà trước đó người Mỹ đã thiết lập cho chế độ VNCH làm công việc tuyên truyền lôi kéo những con tim, khối óc và cả mạng sống của nhân dân Miền Nam Việt Nam đi vào chiến lược chống cộng bảo vệ chế độ và phần đất tự do MNVN như một **“ tiền đồn thế giới tự do”** ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản quốc tế của Mỹ!

Đây là những lời tố cáo muợn màng của Ông Thiệu:

“ Họ bỏ rơi chúng tôi. Họ bán rẻ chúng tôi. Họ đâm sau lưng chúng tôi. Một nước đồng minh lớn đã không làm tròn lời hứa với một nước đồng minh nhỏ. . .”(29).*(Lại một lần nữa, cho đến lúc này Ông Thiệu vẫn chưa nhận ra thực trạng này: Chưa bao giờ VNCH được Mỹ đối xử như một đồng minh);* Rồi Ông Thiệu hằn học oán trách người Mỹ: *“ Các Ông bỏ chạy để mặc chúng tôi làm cái việc mà các Ông làm không xong. Chúng tôi không có gì hết mà các Ông lại muốn chúng tôi hoàn thành điều mà các Ông không làm nổi. . . Khi ký Hiệp Định hòa bình, Mỹ đã thỏa thuận sẽ thay thế vũ khí trên căn bản một đổi một. Nhưng Mỹ không giữ lời. Ngày nay còn ai có thể tin vào lời hứa hẹn của Mỹ nữa hay không? . . .”*
(30)

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, nghĩa là năm ngày sau khi TT. Thiệu từ chức, Quốc Hội Sài Gòn đã khởi đầu bằng một thông báo, theo đó người được Tổng Thống Thiệu chỉ định nắm quyền Tổng Thống VNCH (theo Hiến Pháp) là Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, nay lại được Quốc Hội ủy nhiệm quyền tuyển chọn một người thay thế Ông trong chức vụ Tổng Thống VNCH. Trên căn bản thông báo này, quyền Tổng Thống Trần Văn Hương

đã chỉ định Đại Tướng Dương Văn Minh làm Tổng Thống VNCH (*ngoài dự liệu của Hiến Pháp*). Ngày 28-4-1975, Tướng Minh nhậm chức, cử giáo sư Vũ Văn Mẫu vào chức vụ Thủ Tướng, đứng ra thành lập chính phủ hoà giải, thay thế chính phủ chống cộng cuối cùng của Ông Nguyễn Bá Cẩn mới được thành lập trước đó một tuần.

Như vậy là Tướng Dương Văn Minh, người hùng của cuộc đảo chánh năm 1963, đưa đến sự cáo chung nền Đệ nhất VNCH, nay lại được Mỹ tuyển chọn làm nhiệm vụ khai tử nền Đệ Nhị VNCH mà chính Ông đã góp phần tạo dựng.

Mặc dầu hai Ông TT. Dương Văn Minh và Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu đã cố gắng đơn phương giương cao ngọn cờ **“Hoà giải và hoà hợp dân tộc”**, với một số động tác mời chào giả tạo, như ra thông cáo giả vờ đuổi hết người Mỹ, rằng trong vòng 48 giờ đồng hồ, người Mỹ cuối cùng phải rời khỏi Việt Nam; ra quyết định thả hết các tù chính trị (tức tù Việt cộng). . . **Nhưng tất cả đã muộn rồi, CSBV đã cảm thấy đang ở thế thượng phong, chẳng cần “hòa giải hòa hợp” với ai nữa. Vì “hòa giải hòa hợp dân tộc” vốn chỉ là chiến thuật thường được CS sử dụng khi chưa đủ sức thanh toán đối phương, giành thắng lợi tối hậu là độc chiếm được chính quyền mà thôi.**

Sau đây là một đoạn tường thuật của một nhà văn Việt Cộng về những giây phút cuối cùng của cái *“Chính phủ hòa giải hòa hợp”* vào giờ *thứ 25 của cuộc chiến*:

“ . . . 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4 năm 1975

Chiếc xe tăng tiến vào xô đổ cánh cửa sắt của Dinh Độc Lập. Từ trên xe nhảy xuống, một tổ chiến sĩ Quân Giải Phóng trẻ măng mặc đồng phục lá cây, cầm lá cờ màu đỏ xanh có ngôi sao vàng, lao nhanh về phía dinh.

Những thành viên của chính phủ Dương Văn Minh mới nhận chức ngày hôm trước về tề tựu tại phòng chính của dinh Độc Lập, đứng dậy khi những người cán bộ của Quân Đoàn II, mặt sạm khói súng và bụi đường xa bước vào. Họ đã tiến quân qua nhiều thành phố suốt dọc bờ biển Miền Trung tới đây.

Dương Văn Minh nói:

-Toàn thể chính phủ VNCH đều có mặt đợi các ngài đến để bàn giao chính quyền.

Một cán bộ nói:

*- Các ông còn gì nữa để bàn giao! Các ông phải đầu hàng vô điều kiện!”
(31).*

Khi đọc những lời tường thuật trên đây, người bàng quan không khỏi cảm thấy tội nghiệp cho Tướng Dương Văn Minh, khi thấy lịch sử dường như đã luôn chọn ông làm công việc “Khai sơn phá thạch”, hôm nay là làm công việc lót đường để cho kẻ khác gặt hái thành quả.

Trong khi đó một phóng viên của hãng thông tấn AP ở lại Sài Gòn đến phút chót đã kể lại:

“ Không có một tiếng súng nào, hàng trăm người Sài Gòn cũng như tôi đứng há miệng nhìn đoàn xe tăng ngày càng nhiều của cộng sản tiến vào thành phố. Đến trưa, mọi chuyện đều xong. Trong suốt 13 năm viết về chiến tranh Việt Nam, tôi không bao giờ tưởng đến chuyện nó kết thúc theo lối này. Tôi hình dung phải có một cuộc mặc cả về chính trị tương tự như đã xảy ra ở Lào mười năm về trước. Hoặc là một trận đánh theo kiểu Armageddon ở Châu Âu trong Thế Chiến Hai, mà kết cuộc là thành phố bị tan nát. Chuyện đầu hàng là điều hoàn toàn tôi không ngờ tới. . . ” (32)

Một viên chức CIA đã rời Việt Nam trong toán CIA cuối cùng vào ngày 30-4-1975, thì đã ghi lại những hình ảnh cuối cùng của cuộc chiến như sau:

“ Chiếc máy bay trực thăng đã bắt đầu rời khỏi Tòa Đại Sứ. Người xạ thủ ở đuôi máy bay đang cúi rạp người trên súng của mình. Máy bay vòng trên thành phố. Trong khoảnh khắc tôi có thể nhìn thấy bóng dáng của một trong những cửa sổ tiệm rượu Mini Bar, một tiệm nổi tiếng vào bậc nhất ở Sài Gòn, nơi biết bao chàng lính Mỹ đã mất sạch cả cơ nghiệp cùng với sự ngây thơ của mình. Và rời chiếc máy bay ngoặt lại, hướng về phía Nam, bay qua Biên Hòa, thấy toán xe Bắc Việt đèn sáng trưng đang uốn mình trên con đường vào Biên Hoà. . . Trong phút chốc, kiến trúc không lồ màu xám của một hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ đã bao lấy chúng tôi như một cái kèn khổng lồ bằng kim khí. . . ” (33)

Một ngày trước khi Sài Gòn rơi vào tay Hà Nội (29-4-1975), Đại sứ Mỹ cuối cùng Martin đã bình tĩnh ngồi ở bàn làm việc trong Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn đợi lệnh từ Hoa Thịnh Đốn trả lời yêu cầu của ông xin gia hạn đi tản. Nhưng từ Tòa Bạch Ốc đã ban ra lệnh cuối cùng:

“ Tổng Thống Hoa Kỳ lệnh cho Đại sứ Martin phải rời đi bằng chiếc máy bay này”. Đó là chiếc máy bay CH-46 được gửi đến đón Martin mang tên “Lady Ace 09” (32 bis)

Như vậy là cuộc chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt với thái độ phủ tay không thương tiếc của Hoa Kỳ, người khởi đầu và cũng là người kết thúc sinh mạng một chế độ công cụ của mình. Micheal Maclear, một nhà báo Mỹ trong cuốn *“Việt Nam, cuộc chiến tranh mười nghìn ngày”* đã ghi lại cảm tưởng của Martin đối với cuộc chiến kết thúc là *“thấy nhẹ cả người”*. Đó là cuộc chiến tranh chưa bao giờ được chính thức gọi là chiến tranh, dù nó là cuộc chiến tranh dài nhất của Mỹ đã chấm dứt. Nó là *“một cuộc xung đột”, “một sự dính líu”, “một kinh nghiệm”* và thất bại của nó sẽ được các sử gia có thể phán xét, không còn là mối bận tâm của nhân dân Hoa Kỳ. Rất đơn giản, họ nghĩ là họ đã chiến đấu, hoặc người của họ đã chiến đấu, thế là đủ. Từ hai năm về trước, họ đã thực hiện được một nền hòa bình cho họ tại Việt Nam. Hầu hết người Mỹ đã cảm thấy **“một nền hòa bình trong danh dự”** đã đạt được như người ta bảo. Giờ đây, họ đang nhìn với vẻ bàng quan chán ngắt, có đôi chút sừng sốt, song sự thật không phải hoàn toàn bị bất ngờ. Tám năm chiến đấu của Mỹ, chỉ trong nhiều tuần đã trở thành vô nghĩa. . .

Vô nghĩa ư?

Thực ra, cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc như thế đã chỉ có thể là vô nghĩa và vô ích với nhân dân Mỹ, khi mà họ đã phải gánh chịu mọi chi phí cho cuộc chiến, với cái giá máu xương của 58.000 binh sĩ con em của họ phải bỏ mạng tại Việt Nam, mà vẫn không thực hiện được mục đích cao cả là giúp nhân dân Việt Nam bảo vệ được chế độ dân chủ và phần đất tự do ở Miền Nam Việt Nam. Nhưng nó vẫn có ý nghĩa và lợi ích đối với chính quyền Mỹ, khi sự kết thúc chiến tranh đến vào lúc mà các mục tiêu chiến lược của họ đã đạt được qua cuộc chiến, mở ra một thời kỳ đầy triển vọng sau chiến tranh cho công cuộc làm ăn mới của giới tư bản Mỹ ở vùng này, trong khung cảnh một thế chiến lược quốc tế mới.

Riêng đối với nhân dân Việt Nam, cuộc chiến tranh kéo dài trên 20 năm (1954-1975) kết thúc như thế thì quả là vô nghĩa và tàn hại. Và sự chấm dứt cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn này, vừa là nỗi đau, vừa là niềm vui chung cho cả dân tộc Việt Nam. Là nỗi đau cho nhân dân Miền Bắc vì đã từng phải sống khổ cực, hy sinh chiến đấu cho một chiêu bài giả hiệu **“Độc lập dân tộc, chống đế quốc, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước trong hòa bình, ấm no, tự do, hạnh phúc. . .”**; Cũng là nỗi đau của nhân

dân yêu chuộng **“tự do dân chủ”** ở Miền Nam Việt Nam, vì đã ngay tình và nhiệt thành lao vào một cuộc chiến **“ bảo vệ chế độ tự do dân chủ”**.

Từ nỗi đau chung này, nhân dân hai miền Bắc – Nam Việt Nam cùng có chung một mối hận đối với những kẻ cầm quyền trên cả hai miền Nam – Bắc, từng là công cụ đắc lực một thời cho ngoại bang, đã xô đẩy nhân dân hai miền vào một cuộc chiến tàn hại và vô ích.

Người dân tự hỏi: Tại sao cũng trong gọng kềm của của chủ nghĩa thực dân mới, Bắc Hàn và Nam Hàn đã có thể cùng tồn tại để chờ cơ may thống nhất một cách hòa bình, còn Việt Nam thì đi đến thống nhất bằng một cuộc chiến tranh “nồi da sáo thịt” tàn sát lẫn nhau và tàn phá tan hoang đất nước?. Công tội của các tập đoàn lãnh đạo công cụ tay sai ngoại bang trong quá khứ cũng như hiện tại, mai này sẽ được lịch sử phán xét công minh.

Nhưng dẫu sao, cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn chấm dứt cũng nên coi là một niềm vui chung của cả dân tộc. Vì đây là cơ may mới cho đất nước vươn lên trong thời kỳ các nước giàu tỏ ra thực tâm muốn giúp các nước nghèo đi vào thế ổn định để phát triển, trong nỗ lực thiết lập một nền trật tự thế giới mới hay là một hệ thống kinh tế quốc tế mới. Đó là chiến lược “Toàn cầu hoá”: Toàn cầu hóa về chính trị bằng một tiến trình hoà bình dân chủ hoá các chế độ độc tài các kiểu; và toàn cầu hóa về kinh tế với một tiến trình thị trường tự do hoá toàn cầu. Trong khung cảnh ấy, các quốc gia lớn nhỏ cạnh tranh, cùng tồn tại hòa bình và các bên đều cùng có lợi (ít hay nhiều).

Như thế, chiều hướng mới xem ra có vẻ tốt đẹp. Nhưng chấm dứt cuộc chiến bằng sự triệt tiêu chế độ cực hữu VNCH mới chỉ là bước thứ nhất của một quá trình đưa đất nước ta vào vận hội mới của một thế chiến lược quốc tế mới. Chúng ta còn phải trải qua bước thứ hai của quá trình này, là triệt tiêu chế độ cực tả Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) hiện nay. Vì chỉ sau đó, đất nước ta mới đi vào đúng quỹ đạo của một chiến lược quốc tế mới mà các cường quốc cực đã và đang nỗ lực thực hiện.

Vậy thì, quá trình triệt tiêu chế độ cực tả CHXHCNVN đã và đang diễn ra như thế nào? Đó là bước thứ hai của tiến trình ba bước mà chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày.

Thiện ý

(Trích: Việt Nam Trong Thế Chiến Lược Quốc Tế Mới. Khởi thảo từ trong nước năm 1977. Ấn hành lần đầu 1995 và tái bản năm 2005 tại Hoa Kỳ)

Tài Liệu Trích Dẫn:

- (1), (2): *Sách đã dẫn, chú thích của (1) và (2), Phần II.*
- (3), (4), (5) và (6): *Lịch sử Việt Nam (1945), Nhà xuất Bản Giáo Dục - 1987 (trang 185, 186, 187).*
- (7) *Diễn văn nhậm chức của TT. Hoa Kỳ Richard Nixon ngày 20-1-1969.*
- (8), (9) và (14): *Ông Có Vấn, Hồ Sơ Một Điệp Viên, Hữu Mai. NXB/QĐND – Hà nội – 1989 (trang 272, 276, 288).*
- (10), (11), (17), (19) và (24): *Gián Điệp Nhị Trùng – Trần Trung Quân. NXB Nam Á- Paris 1990 (trang 346, 347, 339, 335, 337 và 338)*
- (12), (13), (15), (25) đến (33): *Michael Maclear, NXB Thamer Mathuen. London 1981.*

M. Maclear một nhà báo Mỹ đã được giải thưởng Pulitzer nhờ những bài viết về chiến tranh Việt Nam. Trong chiến tranh Việt Nam, tác giả đã đi từ Hà Nội đến Sài Gòn, gặp gỡ nhiều nhân vật Việt Mỹ. Sau chiến tranh, tác giả đã căn cứ vào những kinh nghiệm trải qua và các tài liệu về chiến tranh Việt Nam do Peter Arnett, Trưởng Văn Phòng hãng thông tấn AP ở Sài Gòn, cũng là bạn thân của tác giả cung cấp; với các cuộc phỏng vấn nhiều nhân vật trong chính giới Hoa Kỳ, chế độ Hà Nội và VNCH trước đây. Tất cả đã được tác giả hệ thống hóa trong cuốn sách viết về cuộc chiến Việt Nam này.

** Xin vào: luatkhoavietnam.com mục "Diễn Đàn", tiểu mục "Tác giả-Tác Phẩm" để đọc toàn tác phẩm "Việt Nam Trong Thế Chiến Lược Quốc tế Mới"; mở Tiêu Mục "Phỏng vấn Hội luận" để nghe Đài VOA phỏng vấn tác giả Thiện Ý về tài liệu nghiên cứu lý luận này.*